TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2017/DS – PT
Ngày: 13 -9 - 2017
V/v "Tranh chấp yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương
Các thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Ông Bùi Thế Xương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Thủy Tiên– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre*:** Bà Võ Thị Hoa – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 179/2017/TLPT- DS ngày 22 tháng 8 năm 2017 về việc *"Tranh chấp yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2017/DS – ST ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 201/2017/QĐ – PT ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị P1, sinh năm: 1951; (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn T1- Luật sư Công tác viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn S1, sinh năm: 1940; (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đàm Thị Thùy G- Luật sư Văn phòng luật sư B, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Trần Văn D, sinh năm: 1964; (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn D: Luật sư Đặng Ngọc P2- Luật sư Cộng tác viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre.(xin xét xử vắng mặt)

2. Chị Trần Thị Kim P3, sinh năm: 1969; (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Anh Trần Đức T2, sinh năm: 1986;

4. Chị Trần Thị Quế P4, sinh năm: 1993;

5. Chị Nguyễn Thị Thùy T3, sinh năm: 1985;

Cùng địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của anh T2, chị P4, chị T3: Anh Trần Văn D là người đại diện theo ủy quyền. (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 10 năm 2017); (có mặt)

6. Anh Trần Văn T4, sinh năm: 1968; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

7. Chị Trần Thị M, sinh năm: 1975; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

8. Chị Trần Thị Kim L1, sinh năm: 1966; (có mặt)

9. Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1971; (có mặt)

10. Chị Dương Thị Nhật P5, sinh năm: 1974; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

11. Bà Trần Thị H, sinh năm: 1946; (có mặt)

12. Bà Trần Thị N, sinh năm: 1958; (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Tân Quới 1, xã Phước Hiệp, huyện M, tỉnh Bến Tre.

13. Bà Trần Thị L2, sinh năm: 1955; (có mặt)

Địa chỉ: khu phố 6, thị trấn Mỏ Cày, huyện M, tỉnh Bến Tre.

14. Bà Trần Thị S2, sinh năm: 1940;

Địa chỉ: 249/2, đường B, phường 1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà S2: Bà Trần Thị P1 là người đại diện theo ủy quyền. (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 7 năm 2017); (có mặt)

15. Chị Trần Thị T5, sinh năm: 1966; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

16. Chị Trần Thị T6, sinh năm: 1970; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 11, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: bị đơn ông Trần Văn S1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2014, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 15/9/2016 và ngày 27/3/2017, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà

Trần Thị P1 (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị S2) trình bày:

Ba của bà là cụ Trần Văn S3, sinh năm 1914, chết năm 1980; mẹ là cụ Nguyễn Thị Q, sinh năm 1916, chết năm 2013 đều không để lại di chúc. Tài sản gồm: Tổng diện tích đất 03 thửa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: 9110m^2. Qua đo đạc thực tế là: 10529,9m^2. Trong đó thửa 261, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là 639, tờ bản đồ số 4) diện tích 1.794,2m^2; thửa 300, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là 644, tờ bản đồ số 4) diện tích 8325,2m^2 (trong đó có 300m^2 đất thổ cư); thửa 266, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là 642, tờ bản đồ số 4) diện tích 410,5m^2. Cùng tọa lạc ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Cụ S3 và cụ Q có tất cả 09 người con chung gồm: Bà Trần Thị S2, bà Trần Thị P1, bà Trần Thị L2, bà Trần Thị H, bà Trần Thị N, ông Trần Văn S1, ông Trần Văn Q (chết năm 2011, con là anh Trần Văn D, anh Trần Văn T4, chị Trần Thị M, chị Trần Thị T5, chị Trần Thị T6), bà Trần Thị Q (chết năm 1983, con là chị Trần Thị Kim L1), ông Trần Thanh D1 (chết năm 1967, không vợ con).

Sau khi cụ S3 chết, các phần đất nêu trên do cụ Q quản lý đến năm 2013 cụ Q chết, đã trên 30 năm. Nên toàn bộ tài sản là của cụ Q không còn là di sản thừa kế của cụ S3. Bà cùng tất cả các anh chị em khác (kể cả ông S1) và con của những người chết đều đồng ý chia đất thành 09 phần thừa kế theo pháp luật di sản do cụ Q chết để lại cho 09 người nêu trên, mỗi người 1.000m^2, cụ thể: tại thửa 642 diện tích đo đạc thực tế là 410,5m^2 và cộng thêm 589,5m^2 tại thửa 644 như đã được đo tách trên bản đồ ký hiệu thửa 300a-3. Buộc ông Trần Văn S1 là người đang quản lý đất giao đất cho bà.

Đối với bà S2: yêu cầu nhận thừa kế theo pháp luật phần đất do mẹ là cụ Q chết để lại qua đo đạc ký hiệu thửa 300a-11 diện tích 808,4m^2. Trước đây yêu cầu 1000m^2 nhưng đã làm đơn thay đổi. Sau khi nhận đất thừa kế, bà S2 đồng ý cho lại đất cho chị Trần Thị Kim L1 là cháu gọi bà S2 bằng dì.

Ông S1 chỉ phụ cụ Q quản lý đất từ năm 2006 cho đến nay vì cụ Q già yếu không canh tác được. Bà P1, bà S2 không đồng ý bồi hoàn tiền công sức đóng góp cũng như cây trái như ông S1 yêu cầu.

Trong đơn phản tố ngày 29/8/2014, đơn sửa đổi, bổ sung ngày 17/9/2016, ngày 03/10/2016 và ngày 27/3/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, bị đơn là ông Trần Văn S1 trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà P1 về mối quan hệ hôn nhân giữa cụ Q và cụ S3, thời điểm 02 cụ chết, mối quan hệ huyết thống, nguồn gốc đất, quyền S3 dụng đất của cụ Q cũng như cách phần chia như bà P1 trình bày. Tuy nhiên ông không đồng ý yêu cầu của bà P1 về việc chia 1000m^2 thừa kế tại vị trí mà bà P1 trình bày:

Ông có yêu cầu:

+ Ông xin yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất do cha của ông là cụ Q chết để lại gồm: 1000m^2 theo kết quả đo tách trên bản đồ là thửa 300a-10, 300a-9, 300a-8; ông đề nghị nhận thêm phần thờ cúng liệt sĩ là ông Trần Thanh D1 là em trai của ông phần đất xung quanh nhà thờ diện tích qua kết quả đo tách trên bản đồ là thửa 300a-7 diện tích 1016,9m^2; Ông nhận thêm 300m^2 đất có nhà thờ qua kết quả đo tách trên bản đồ ký hiệu thửa 300a-6.

+ Ông đề nghị nhận thừa kế thêm 500,6m^2 qua kết quả đo tách trên bản đồ ký hiệu thửa 300a-5 để nhập vô phần thờ cúng.

+ Những người được hưởng thừa kế (bà P1, bà N) phải trả cho ông 1/3 giá trị đất là tiền công đóng góp cải tạo đất và giá trị cây trồng cho ông.

+ Đối với anh D, do trước đây mẹ của ông chỉ cho mướn đất, không cho luôn, tính tròn 20 năm (1995-2015) không có trả phần lợi tức thu tiền 20 cây dừa trên đất, mỗi năm 600 trái dừa, 20 năm là 12.000 trái, giá 7.000 đồng/ trái dừa, tổng tiền là 84.000.000 đồng, buộc anh D bồi thường cho ông.

Trong đơn yêu cầu độc lập ngày 15/10/2014, đơn sửa đổi, bổ sung ngày 03/10/2016 và ngày 27/3/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà P1 về mối quan hệ hôn nhân giữa cụ Q và cụ S3, thời điểm 02 cụ chết, mối quan hệ huyết thống, nguồn gốc đất, quyền sử dụng đất của cụ Q cũng như cách phân chia như bà P1 trình bày. Bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất do mẹ là cụ Q chết để lại, gồm: thửa 642 diện tích 410,5m^2 và 01 phần thửa 639 (qua đo đạc ký hiệu là thửa 261b diện tích 872,6m^2), tổng cộng: 1283,1m^2.

Trong đơn yêu cầu độc lập ngày 08/8/2014, đơn sửa đổi bổ sung ngày 05/10/2016 và ngày 27/3/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị N trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà P1 về mối quan hệ hôn nhân giữa cụ Q và cụ S3, thời điểm 02 cụ chết, mối quan hệ huyết thống, nguồn gốc đất, quyền S3 dụng đất của cụ Q cũng như cách phân chia như bà P1 trình bày.

Bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất do mẹ là cụ Q chết để lại gồm: bà nhận 1000m^2 cùng tại thửa 644, trong đó: bà xin nhận phần đất giáp với nhà của anh D qua tách đo ký hiệu thửa 300a-10 diện tích 238,5m^2 và thửa ký hiệu 300a-1 diện tích 763m^2

Bà chỉ đồng ý trả tiền cây dừa theo định giá cho ông S1, không đồng ý bồi thường công sức cải tạo đất.

Trong đơn yêu cầu độc lập ngày 08/8/2014, đơn sửa đổi bổ sung ngày 05/10/2016 và ngày 27/3/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị N trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà P1 về mối quan hệ hôn nhân giữa cụ Q và cụ S3, thời điểm 02 cụ chết, mối quan hệ huyết thống, nguồn gốc đất, quyền sử dụng đất của cụ Q cũng như cách phân chia như bà P1 trình bày.

Bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất do mẹ là cụ Q chết để lại, cụ thể bà nhận 921.6m^2 tại thửa 639 (đo đạc ký hiệu thửa 261a).

Trong đơn yêu cầu độc lập ngày 11/8/2014, đơn sửa đổi bổ sung ngày 05/10/2016 và ngày 27/3/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn D, chị Trần Thị Kim P3 trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của bà P1 về mối quan hệ hôn nhân giữa cụ Q và cụ S3, thời điểm 02 cụ chết, mối quan hệ huyết thống, nguồn gốc đất, quyền sử dụng đất của cụ Q cũng như cách phân chia như bà P1 trình bày.

Anh D yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất do mẹ là cụ Q chết để lại gồm: thửa 300b diện tích 859,9m^2 và thửa 300a-8 diện tích 140,1m^2, tổng cộng 1000m^2 do anh D nhận thừa kế thế vị ba của anh là ông Trần Văn Quốc.

Anh D, chị P đề nghị chia cho anh chị 500m^2 đất ký hiệu thửa 300a-2 là tài sản được bà nội cho vào năm 1995 (hoán đổi vị trí phần được cho từ thửa 300b).

Đối với yêu cầu của ông S1 về các khoản bồi thường và bồi hoàn, không đồng ý

Trong đơn yêu cầu độc lập ngày 08/8/2014, đơn sửa đổi bổ sung ngày 05/10/2016 và ngày 27/3/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Kim L1 trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của bà P1 về mối quan hệ hôn nhân giữa cụ Q và cụ S3, thời điểm 02 cụ chết, mối quan hệ huyết thống, nguồn gốc đất, quyền sử dụng đất của cụ Q cũng như cách phân chia như bà P1 trình bày.

Chị yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất do bà ngoại của chị là cụ Q chết đề lại, cụ thể: đề nghị chia cho chị diện tích qua đo đạc thực tế là 605,2m^2 ký hiệu thửa 300d hiện chị cất nhà ở do được ngoại là cụ Q cho năm 1993, phần còn lại chị xin nhận phía sau nhà diện tích 254,2m^2 đúng như hồ sơ tách đo ký hiệu thửa 300c-1.

Đối với phần của bà Sữa yêu cầu chia thừa kế nhưng để lại cho chị, chị đồng ý nhận.

Trong đơn yêu cầu độc lập ngày 10/11/2014, đơn sửa đổi bổ sung ngày 27/3/2017, trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn Đ, chị Dương Thị Nhật P5 trình bày, cũng như lời trình bày của anh Trần Văn Đ tại phiên Tòa:

Anh chị yêu cầu được nhận diện tích qua đo đạc thực tế là 921,6m2 tại thửa số 639 là phần được bà nội là cụ Q cho vào năm 1995. Đối với phần đất hiện cất nhà ở qua đo đạc diện tích thực tế là 1254,2m2, vợ chồng anh đề nghị nhận 1000m2 ký hiệu thửa 300c-2, phần còn lại ở phía sau tiếp giáp với chị L1 thì trả lại để chị L1 nhận thừa kế ký hiệu 300c-1 diện tích 254,2m2. Nếu đất lấy chia thừa kế thì yêu cầu người nhận đất phải bồi thường dừa, tiền bơm cát trước cửa nhà là 20.000.000 đồng, bồi thường tiền nhà, vật kiến trúc theo định giá hoặc xin trả lại bằng giá trị đất.

Sau khi hòa giải không thành Tòa án nhân dân huyện M đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 217, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 166, Điều 202, Điều 203 Luật Đất Đai năm 2013;

Căn cứ Điều 631, Điều 634, Điều 636, Điều 638, Điều 674, Điều 676, Điều 677, khoản 2 Điều 685, Điều 733 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Trần Thị P1. Chia thừa kế theo pháp luật cho bà Trần Thị P1 nhận phần đất có diện tích 1000m2, cụ thể như sau:

- Thửa đất ký hiệu 300a-3, diện tích 589,6m^2 thuộc một phần thửa 300, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là thửa 644, tờ bản đồ số 4), tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre cùng cây trồng trên đất (13 cây dừa loại 1, 03 cây dừa loại 3). Tứ cận như sau:

+ Đông giáp phần còn lại thửa 300, ký hiệu 300a-4, dài 44,60m.

+Tây giáp phần còn lại thửa 300, ký hiệu thửa 300a-2, dài 44,18m.

+ Nam giáp thửa 281, dài 13,34m.

+ Bắc giáp thửa 259, dài 13,31m.

Trên đất có lối đi qua thửa 259, không mở lối đi.

- Thửa đất 266, tờ bản đồ số 19, diện tích 410.5m^2 (thửa cũ là thửa 642, tờ bản đồ số 4) tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre cùng cây trồng trên đất (13 cây dừa loại 1, 01 cây dừa loại 3). Tứ cận như sau:

+ Đông giáp thửa 283, dài 32,07m.

+Tây giáp thửa 262, dài 36,55m.

+ Nam giáp rạch, dài 12,42m.

+ Bắc giáp thửa 262, dài 12,13m.

Thửa đất này giáp rạch và đường pê tông, không mở lối đi.

Buộc ông Trần Văn S1 giao 02 phần đất nêu trên (có cây trồng trên đất) cho bà P1. Buộc bà P1 phải bồi hoàn giá trị cây trồng trên đất cho ông S1 là: 4.000.000 đồng (thửa 266: 01 cây dừa loại 3; thửa 300a-3: 03 cây dừa loại 3).

2/ Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Trần Thị N. Chia thừa kế theo pháp luật cho bà Trần Thị N nhận phần đất có diện tích 1000m2, cụ thể như sau:

- Thửa đất ký hiệu 300a-10, diện tích 238,5m^2 thuộc một phần thửa 300, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là thửa 644, tờ bản đồ số 4), tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre cùng cây trồng trên đất (05 cây dừa loại 1, 02 cây dừa loại 3). Tứ cận như sau:

+ Đông giáp phần còn lại thửa 300, ký hiệu 300a-9, dài 39,68m.

+Tây giáp phần còn lại thửa 300, ký hiệu thửa 300b, dài 38,63m.

+ Nam giáp phần còn lại thửa 300, ký hiệu thửa 300a-9, dài 6,15m.

+ Bắc giáp đường bê tông, dài 6,15m.

Thửa đất này giáp đường pê tông nên không mở lối đi.

- Thửa đất ký hiệu 300a-1, diện tích 763m^2 thuộc một phần thửa 300, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là thửa 644, tờ bản đồ số 4) tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre cùng cây trồng trên đất (12 cây dừa loại 1, 08 cây dừa loại 3). Tứ cận như sau:

+ Đông giáp thửa 259, dài 17.60m.

+Tây giáp thửa 281, dài 17,56m.

+ Nam giáp thửa 282, dài 43,26m.

+ Bắc giáp phần còn lại thửa 300, ký hiệu thửa 300a-2, dài 43,82m.

Thửa đất này có đường đi chạy qua nên không mở lối đi.

Buộc ông Trần Văn S1 giao 02 phần đất nêu trên (có cây trồng trên đất) cho bà N. Buộc bà N phải bồi hoàn giá trị cây trồng trên đất cho ông S1 là: 10.000.000 đồng (thửa 300a-3: 02 cây dừa loại 3; thửa 300a-1: 08 cây dừa loại 3).

3/ Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Trần Thị L2. Chia thừa kế theo pháp luật cho bà Trần Thị L2 nhận phần đất có diện tích 921,6m2, cụ thể như sau:

- Thửa đất ký hiệu 261a, diện tích 921,6m^2 thuộc một phần thửa 261, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là thửa 639, tờ bản đồ số 4), tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre cùng cây trồng trên đất (18 cây dừa loại 1, 06 cây dừa loại 3). Tứ cận như sau:

+ Đông giáp thửa 267, dài 74,22m.

+Tây giáp thửa 262, dài 50,57m và giáp thửa 283, dài 27,71m.

+ Nam giáp rạch, dài 12,32m.

+ Bắc giáp đất ký hiệu 261a, dài 11.62m.

Thửa đất này giáp rạch và đường pê tông nên không mở lối đi.

Buộc anh Trần Văn Đ, chị Dương Thị Nhật P5 giao phần đất này (có cây trồng trên đất) cho bà L2. Buộc bà L2 phải bồi hoàn công sức đóng góp của anh Đ, chị Nhật P5 (17 năm, mỗi năm 600.000đồng): 10.200.000đồng. Ghi nhận anh Đ, chị Nhật P5 tự nguyện không yêu cầu bà L2 bồi thường tiền cây trồng trên đất.

4/ Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Trần Thị H. Chia thừa kế theo pháp luật cho bà Trần Thị H nhận phần đất có diện tích 1000m^2, cụ thể như sau:

- Thửa đất ký hiệu 261b, diện tích 872,6m^2 thuộc một phần thửa 261, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là thửa 639, tờ bản đồ số 4), tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre cùng cây trồng trên đất (16 cây dừa loại 1, 09 cây dừa loại 3). Tứ cận như sau:

+ Đông giáp thửa 267, dài 12.68m.

+Tây giáp thửa 250, dài 9.28m.

+ Nam giáp thửa 262, dài 44.83m + 11.62m và giáp thửa 263, dài 12,94m.

+ Bắc giáp thửa 233, dài 34,46m và giáp thửa 232, dài 35.89m.

Buộc ông Trần Văn S1 giao phần đất nêu trên (có cây trồng trên đất) cho bà H. Ghi nhận ông S1 không yêu cầu bà H bồi hoàn giá trị cây trồng và công sức cải tạo đất.

Thửa đất này không có đường đi ra lộ công cộng nên mở lối đi trên thửa 261a đã chia thừa kế cho bà Trần Thị L2, lối đi có diện tích: 116.3m^2 (tại thửa 261a, ký hiệu thửa 261a-2) (như hồ sơ trích đo kèm theo). Ghi nhận bà L2 không yêu cầu bà H bồi hoàn giá trị lối đi. Bà H được quyền S3 dụng hạn chế phần đất của bà L2 S3 dụng làm lối đi. Tuyên bố hạn chế quyền S3 dụng đất của bà L2 đối với phần đất được S3 dụng làm lối đi.

- Thửa đất ký hiệu 300a-4, diện tích 127,4m^2 thuộc một phần thửa 300, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là thửa 644, tờ bản đồ số 4) tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre cùng cây trồng trên đất (02 cây dừa loại 1). Tứ cận như sau:

+ Đông giáp phần còn lại thửa 300, ký hiệu thửa 300a-11, dài 2,87m.

+Tây giáp thửa 259, dài 2.886m.

+ Nam giáp thửa 300a-3, dài 44,6m.

+ Bắc giáp thửa 300a-5, dài 44,56m.

Phần đất thừa kế này bà H nhận giá trị. Buộc ông Trần Văn S1 giao lại cho bà H số tiền bà H nhận thừa kế là 12.740.000đồng. Ông S1 được quyền S3 dụng phần đất này. Đất tiếp giáp đất ông S1 quản lý nên không mở lối đi.

5/ Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của anh Trần Văn D. Chia thừa kế theo pháp luật cho anh Trần Văn D nhận phần đất có diện tích 1000m^2, cụ thể như sau:

- Thửa đất ký hiệu 300b, diện tích 859,9m^2 thuộc một phần thửa 300, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là thửa 644, tờ bản đồ số 4), tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre cùng cây trồng trên đất (05 cây dừa loại 1, 02 cây dừa loại 3). Tứ cận như sau:

+ Đông giáp phần còn lại thửa 300, ký hiệu 300a-10, dài 38,63m.

+Tây giáp thửa 264, dài 35,51m.

+ Nam giáp phần còn lại thửa 300, ký hiệu thửa 300a-8, dài 22.22m.

+ Bắc giáp đường bê tông, dài 18.61m + 5.96m.

(Thửa đất này hoán đổi vị trí phần đất anh D, chị Kim P3 được bà Q cho, yêu cầu tranh chấp quyền S3 dụng đất được chấp nhận).

Thửa đất này giáp đường pê tông nên không mở lối đi.

Phần đất này do anh D đang quản lý. Tài sản trên đất (nhà, vật kiến trúc khác.... theo định giá) là của anh D nên tiếp tục quản lý, sử dụng.

- Thửa đất ký hiệu 300a-8, diện tích 140.1m^2 thuộc một phần thửa 300, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là thửa 644, tờ bản đồ số 4) tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre cùng cây trồng trên đất (01 cây dừa loại 1, 03 cây dừa loại 3). Tứ cận như sau:

+ Đông giáp phần còn lại thửa 300, ký hiệu thửa 300a-9, dài 6.35m.

+Tây giáp thửa 264, dài 2.57m và giáp thửa 284, dài 3.77m .

+ Nam giáp phần còn lại thửa 300, ký hiệu thửa 300a-7, dài 21.97m.

+ Bắc giáp thửa 300b, dài 22.22m.

Thửa đất này giáp thửa 300b anh D đang quản lý nên không mở lối đi. Buộc ông Trần Văn S1 giao phần đất nêu trên (có cây trồng trên đất) cho anh D. Buộc anh D phải hoàn lại giá trị cây trồng trên đất cho ông S1 là: 4.000.000 đồng (03 cây dừa loại 3).

6/ Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Trần Thị S2. Chia thừa kế theo pháp luật cho bà Trần Thị S2 nhận phần đất có diện tích 808,4m^2, cụ thể như sau:

- Thửa đất ký hiệu 300a-11, diện tích 808,4m^2 thuộc một phần thửa 300, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là thửa 644, tờ bản đồ số 4), tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre cùng cây trồng trên đất (14 cây dừa loại 1, 03 cây dừa loại 3). Tứ cận như sau:

+ Đông giáp rạch, dài 32.29m.

+Tây giáp phần còn lại thửa 300 gồm: thửa ký hiệu 300a-4, dài 2.87m; giáp thửa ký hiệu 300a-5, dài 12.89m; giáp thửa ký hiệu 300a-7 dài 20.89m.

+ Nam giáp thửa 281, dài 22.70m.

+ Bắc giáp thửa 300c-2, dài 25.01m.

Ghi nhận bà S2 tự nguyện tặng cho phần đất này cho chị Trần Thị Kim L1. Buộc ông S1 giao phần đất nêu trên cho chị L1 (có cây trồng).

Buộc ông S1 mở lối đi có diện tích 71.3 m^2 (tại thửa 300a-9, ký hiệu thửa 300a-9-1) và 14.6m2 (tại thửa 300a-7, ký hiệu 300a-7-1) (có hiện trạng như hồ sơ trích đo).Tuyên bố hạn chế quyền S3 dụng đất của ông S1 đối với phần đất có lối đi. Chị L1 được quyền sử dụng hạn chế phần đất có lối đi này. Buộc chị L1 bồi hoàn giá trị phần đất có lối đi cho ông S1 là 8.590.000 đồng.

Về phần cây trồng trên đất và công sức bồi đắp: Ghi nhận ông S1 không yêu cầu.

7/ Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Trần Thị Kim L1. Chia thừa kế theo pháp luật cho bà Trần Thị Kim L1 nhận phần đất có diện tích 605,2m^2, cụ thể như sau:

- Thửa đất ký hiệu 300d, diện tích 605,2m^2 thuộc một phần thửa 300, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là thửa 644, tờ bản đồ số 4), tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. Tứ cận như sau:

+ Đông giáp rạch dài 8.42m+ 8.92m+ 18.23m.

+Tây giáp thửa 300c-2, dài 26.87m.

+ Nam giáp thửa 300c- 1, dài 22.35m.

+ Bắc giáp đường bê tông dài 7.54+ 6.96m.

Thửa đất này giáp đường pê tông nên không mở lối đi.

Đất do chị Trần Thị Kim L1 đang quản lý, tài sản trên đất (nhà, vật kiến trúc khác..... theo thẩm định, định giá) là của chị L1 nên tiếp tục quản lý, sử dụng.

- Thửa đất ký hiệu 300c-1, diện tích 254.2m^2 thuộc một phần thửa 300, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là thửa 644, tờ bản đồ số 4) tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre cùng cây trồng trên đất (02 cây dừa loại 1). Tứ cận như sau:

+ Đông giáp rạch, dài 14.80m.

+Tây giáp thửa 300c-2, dài 11.53m.

+ Nam giáp thửa 300c-2, dài 17.18m.

+ Bắc giáp thửa 300d, dài 22.35m.

Thửa đất này giáp thửa 300d hiện chị L1 đang quản lý nên không mở lối đi.

Buộc anh Trần Văn Đ, chị Dương Thị Nhật P5 giao phần đất nêu trên (có cây trồng trên đất) cho chị L1. Buộc chị L1 phải bồi hoàn giá trị cây trồng trên đất cho anh Đ, chị Nhật P5 là: 3.000.000 đồng (02 cây dừa loại 1).

Anh Đ, chị Nhật P5 tự nguyện giao trả đất để chia thừa kế cho chị L1, không yêu cầu tiền công sức đóng góp, cải tạo đất, không xem xét.

8/ Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông Trần Văn S1. Chia thừa kế theo pháp luật cho ông Trần Văn S1 nhận phần đất có diện tích 1000m^2: thửa 300a-9 diện tích 621.4m^2, thửa 300a-7 là 16.9m^2 và 361.7m^2/500.6m^2 tại thửa 300a-5.

9/ Chia cho ông Trần Văn S1 nhận phần thờ cúng liệt sĩ và thờ cúng ông bà: 1000m^2 thửa 300a-7 và 300m^2 có nhà và vật kiến trúc khác thửa 300a-6.

10/ Ông Trần Văn S1 nhận phần đất còn lại thửa 300a-5, diện tích 138.9m2, là phần giá trị công sức cải tạo, quản lý đất, tương đương 13.890.000 đồng.

Cụ thể các thửa đất và tài sản trên đất ông S1 nhận như sau:

- Thửa đất ký hiệu 300a-9, diện tích 621.4m^2 thuộc một phần thửa 300, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là thửa 644, tờ bản đồ số 4), tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. Tứ cận như sau:

+ Đông giáp phần còn lại thửa 300, ký hiệu 300c-2, dài 47.63m.

+Tây giáp thửa 300a-10, dài 39,68m và giáp thửa 300a-8, dài 6.35m.

+ Nam giáp phần còn lại thửa 300, ký hiệu thửa 300a-7, dài 21.06m.

+ Bắc giáp đường bê tông, dài 10,15m.

Thửa đất này giáp đường pê tông nên không mở lối đi. Phần đất này do ông Trần Văn S1 đang quản lý nên không xem xét phần cây trồng và công sức đóng góp.

- Thửa đất ký hiệu 300a-7, diện tích 1016.9 m^2 và thửa đất ONT 300a-6, diện tích 300m^2 thuộc một phần thửa 300, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là thửa 644, tờ bản đồ số 4) tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. Tứ cận như sau:

+ Đông giáp phần còn lại thửa 300, ký hiệu thửa 300a-11, dài 20.89m và giáp thửa 300c-2, dài 8.18m.

+Tây giáp thửa 259, dài 18.45m và giáp thửa 284, dài 12.76m.

+ Nam giáp phần còn lại thửa 300, ký hiệu thửa 300a-5, dài 12.58m + 15.00m + 16.61m.

+ Bắc giáp thửa 300a-9, dài 21.06m và giáp thửa 300a-8, dài 21.97m.

Thửa đất này giáp phần đất thửa 300a-9 chia thừa kế cho ông S1 nên không mở lối đi. Phần đất này do ông S1 đang quản lý nên không xem xét phần cây trồng và công sức đóng góp.

Phần kiến trúc trên thửa 300a-6: Nhà 1: Nhà móng cột pê tông cốt thép, không bao che, vách ngăn, nền lát gạch tàu, mái tol kẽm, không trần, diện tích 86.86m^2, tỉ lệ còn lại 30%. Giá: 37.758.000 đồng; Nhà 2: Nhà gỗ tạp, cột gỗ, vách gỗ, không trần, nền đất, mái lá, diện tích 52.2m^2, tỉ lệ còn lại 30%. Giá: 3.007.800 đồng; Mái che: nền đất, mái tol, diện tích 11.55m^2, tỉ lệ còn lại 30%. Giá: 554.400 đồng;

Phần vật kiến trúc thửa 300a-5: nhà vệ sinh, nhà tắm: nền lát gạch cêramic, tường ốp gạch, diện tích 4m^2, tỉ lệ còn lại 60%. Giá 3.276.000đồng.

Giá trị nhà, vật kiến trúc khác tổng cộng: 44.596.200đồng.

- Thửa đất ký hiệu 300a-5, diện tích 500.6m^2 thuộc một phần thửa 300, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là thửa 644, tờ bản đồ số 4), tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. Tứ cận như sau:

+ Đông giáp phần còn lại thửa 300, ký hiệu thửa 300a-11, dài 12.89m.

+Tây giáp thửa 259, dài 9.74m.

+ Nam giáp phần còn lại thửa 300, ký hiệu thửa 300a-4, dài 44.56m.

+ Bắc giáp thửa 300a-7, dài 12.58m + 15.00m + 16.61m.

Thửa đất này giáp thửa 300a-7 ông S1 được nhận nên không mở lối đi. Ông S1 đang quản lý đất.

11/ Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn D, chị Trần Thị Kim P3. Buộc ông Trần Văn S1 giao trả cho anh Trần Văn D, chị Trần Thị Kim P3 phần thửa đất ký hiệu 300a-2, diện tích 500m^2 thuộc một phần thửa 300, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là thửa 644, tờ bản đồ số 4), tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre cùng cây trồng trên đất (09 cây dừa loại 1, 01 cây dừa loại 3). Tứ cận như sau:

+ Đông giáp thửa 281, dài 11.39m.

+Tây giáp thửa 259, dài 11.41m.

+ Nam giáp thửa 300a-1, dài 43.82m.

+ Bắc giáp thửa 300a-3, dài 44.18m.

(Phần đất này hoán đổi vị trí với phần đất anh Dnhận thừa kế).

Thửa đất này có đường đi chạy qua nên không mở lối đi.

Buộc anh D, chị Kim P3 phải hoàn lại giá trị cây trồng trên đất cho ông S1 là: 1.000.000 đồng (thửa 33a-2: 01 cây dừa loại 3).

12/ Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn Đ, chị Dương Thị Nhật P5. Cụ thể: Anh Trần Văn Đ, chị Dương Thị Nhật P5 được quyền sử dụng phần thửa đất ký hiệu 300c-2, diện tích 1000m^2 thuộc một phần thửa 300, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là thửa 644, tờ bản đồ số 4), tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre cùng cây trồng trên đất (06 cây dừa loại 1). Buộc những người thừa kế là bà Trần Thị P1, ông Trần Văn S1, bà Trần Thị N, bà Trần Thị H, bà Trần Thị L2, anh Trần Văn D, chị Trần Thị Kim L1 thực hiện các thủ tục giao phần đất này cho anh Đ, chị Nhật P5. Tứ cận như sau:

+ Đông giáp phần còn lại thửa 300, ký hiệu thửa 300d, dài 26.87m; giáp thửa 300c-1, dài 11.53m + 17.18; giáp rạch, dài 11.04m+ 2.57m.

+Tây giáp thửa 300a-9, dài 47.63m và thửa 300a-7, dài 8.18m .

+ Nam giáp phần còn lại thửa 300, ký hiệu thửa 300a-11, dài 25.01m.

+ Bắc giáp đường pê tông, dài 14.72m.

Thửa đất này giáp đường pê tông nên không mở lối đi.

Phần đất này do anh Đ, chị Nhật P5 quản lý nên không xem xét phần cây trồng và công sức đóng góp. Các tài sản trên đất (nhà, vật kiến trúc khác... theo thẩm định, định giá) là của anh Đ, chị Nhật P5, tiếp tục quản lý, S3 dụng.

13/ Bác yêu cầu của anh Trần Văn Đ, chị Dương Thị Nhật P5 về việc yêu cầu đối với thửa đất ký hiệu 261a, diện tích 921.6m^2 thuộc một phần thửa 261, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là thửa 639, tờ bản đồ số 4), tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (đã chia thừa kế cho bà Trần Thị L2).

14/ Bác yêu cầu của ông Trần Văn S1 về việc buộc anh Trần Văn D, chị Trần Thị Kim P3 trả: 84.000.000 đồng tiền giá trị hoa lợi hưởng từ dừa trong 20 năm.

Các bên có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

(Phần đất nêu trên được thể hiện trong Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất do Đội đo đạc thuộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M thực hiện đo vẽ kèm theo- là một phần của bản án, không tách rời bản án).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/6/2017 bị đơn là ông Trần Văn S1 kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo ngày 02/6/2017, đơn trình bày bổ sung đơn kháng cáo ngày 30/8/2017, lời trình bày của bị đơn là ông Trần Văn S1 tại phiên tòa phúc thẩm: ông không đồng ý với bản án sơ thẩm, ông yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông, sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện trong đơn phản tố của ông ngày 27/3/2017 cho ông được nhận các phần đất tại vị trí thửa đất số 266, tờ bản đồ số 19; thửa đất số 300a-10 thuộc một phần thửa số 300, tờ bản đồ số 19 cùng tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. Nguyên đơn được nhận phần đất thuộc thửa 300a-3, 300a-4, 300a-5 thuộc một phần thửa số 300, tờ bản đồ số 19 cùng tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. Ông không đồng ý việc anh D được nhận 500m^2 đất tại thửa 300a-2 vì mẹ ông chỉ cho ông D mướn đất, không có cho luôn. Ông yêu cầu xác định phần đất di sản chia đều cho các đồng thừa kế. Ngoài ra, ông yêu cầu bà Trần Thị N trả cho ông công sức giữ gìn, bồi đắp, tôn tạo đất trong suốt 28 năm (từ năm 1992 đến nay) là 33.300.000đồng. Ông yêu cầu bà Trần Thị P1 trả cho ông công sức giữ gìn, bồi đắp, tôn tạo đất trong suốt 28 năm (từ năm 1992 đến nay) là 33.300.000đồng; bồi hoàn giá trị cây trồng trên đất là 26.000.000đồng. Ông yêu cầu ông Trần Văn D trả cho ông tiền lợi tức từ năm 1992 đến năm 2015: thu tiền 20 cây dừa trên đất, mỗi năm 600 trái, 20 năm là 1200 trái, giá 7.000đ/trái, tổng tiền là 84.000.000đồng.

Nguyên đơn bà Trần Thị P1 trình bày: Yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông S1. Giải quyết cho ông S1 được nhận các phần đất tại vị trí thửa đất số 266, tờ bản đồ số 19; thửa đất số 300a-10 thuộc một phần thửa số 300, tờ bản đồ số 19 cùng tọa lạc tại ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre vì các phần đất này ông S1 đã có công cải tạo rất kỹ và đã đến lúc hưởng hoa lợi. Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông D, giải quyết cho ông D nhận 1000m^2 đất là không hợp lý vì trong quá trình quản lý đất ông D đã tự ý ký giấy hiến đất làm đường nông thôn. Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của anh D và chị Kim P3, giải quyết cho anh D, chị Kim P3 nhận phần đất tại thửa 300a-2 là không có căn cứ vì ông D cho rằng bà Q cho có viết giấy tay nhưng giấy tay không ghi rõ đối tượng, không ghi rõ vị trí và cũng không có

công chứng chứng thực. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm. Buộc ông D trả lại phần đất này để nhập vào di sản thừa kế. Trong quá trình quản lý đất ông S1 đã bỏ ra rất nhiều công sức cải tạo, bồi đắp đất, trồng dừa là tăng giá trị của đất đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bà N và bà P1 bồi hoàn cho ông S1 tiền công sức giữ gìn, bồi đắp, tôn tạo đất.

Quan điểm của kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn S1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2017/DSST ngày 19/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận. Xét kháng cáo của ông Trần Văn S1 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Trần Văn S3 và cụ Nguyễn Thị Q. Gồm các thửa thửa 261, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là 639, tờ bản đồ số 4) diện tích 1.794,2m^2; thửa 300, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là 644, tờ bản đồ số 4) diện tích 8325,2m^2 (trong đó có 300m^2 đất thổ cư); thửa 266, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là 642, tờ bản đồ số 4) diện tích 410,5m^2. Cùng tọa lạc ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. Cụ S3 chết năm 1980, cụ Q chết năm 2013. Từ khi cụ S3 chết cụ Q là người trực tiếp quản lý di sản, thời hạn đã trên 30 năm. Trong khoảng thời gian đó không có đương sự nào tranh chấp phần di sản thừa kế của cụ S3. Vào năm 1997, cụ Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền S3 dụng đất nên Tòa cấp sơ thẩm xác định toàn bộ các phần đất đang tranh chấp là tài sản của cụ Q là phù hợp. Tuy nhiên, trong phần đất tranh chấp thuộc thửa 300, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là 644, tờ bản đồ số 4) diện tích 8325,2m^2 anh D, chị Kim P3 cho rằng đã được bà nội là cụ Q cho một phần đất để cất nhà qua đo đạc thực tế có diện tích 859,9m^2, ký hiệu thửa 300b và yêu cầu nhận 500m^2 đất hoán đổi vị trí từ thửa 300b xuống nhận phần đất được cho tại thửa 300a-2, diện tích 500m^2. Xét thấy, Tòa cấp sơ thẩm chưa làm rõ có hay không việc bà Q tặng cho anh D, chị Kim P3 phần đất này. Tại phiên Tòa phúc thẩm ý kiến của các đương sự về vấn đề này không thống nhất: bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà H, bà L2, bà N xác nhận bà Q chỉ cho ông D mướn đất. Bà L1 thì cho rằng bà Q tặng cho ông D. Ông D cũng thừa nhận thời gian đầu bà Q cho ông cất nhà trên đất, mỗi năm trả cho bà Q 400.000đồng, quy ra lúa. Sau đó, ông Q nhận giỗ nên bà Q không thu tiền nữa. Mặt khác, giấy tay ngày 27/7/2009 âl

cũng không thể hiện rõ vị trí đất, không có công chứng chứng thực theo đúng quy định của pháp luật. Việc Tòa cấp sơ thẩm chưa làm rõ vấn đề này để xác định di sản thừa kế của cụ Q là thiếu sót gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các đương sự.

[2] Mặt khác, ông S1 đã có công quản lý, cải tạo, bồi đắp, trồng cây trên đất để làm tăng giá trị quyền S3 dụng đất. Tòa cấp sơ thẩm tuy có xem xét phần công sức đóng góp, cải tạo đất của ông S1, cho ông S1 hưởng phần 300a-6 diện tích 138,9m^2 tương đương giá trị 13.890.000đồng nhưng việc xem xét này chưa toàn diện. Cần xác định phần công sức đóng góp của ông S1 ở từng thửa đất để xem xét quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Những thiếu sót này cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên nên hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện M giải quyết lại vụ án.

[3] Do bản án sơ thẩm bị hủy nên ông Trần Văn S1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Hủy bản án sơ thẩm số 28/2017/DSST ngày 19/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện M xét xử vụ án tranh chấp yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật giữa nguyên đơn bà Trần Thị P1 và bị đơn ông Trần Văn S1; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện M để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Trần Văn S1 không phải chịu. Hoàn tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông S1 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 007849 ngày 02/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Hương